

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 74/2022/DS-ST
Ngày: 15-9- 2022
V/V “tranh chấp hợp đồng vay
tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Bảo Trí.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đặng Văn Bé.

Ông Võ Văn Long.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Thảo- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

Ngày 15 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 166/2022/TLST-DS ngày 26 tháng 7 năm 2022 về việc “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 86/2022/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Hồ Thị Mỹ L. Địa chỉ: Đường S, khu phố A, thị trấn L, huyện L, tỉnh Long An.

- *Bị đơn:*

1. Ông Lê Hữu T.

2. Bà Cao Thị N.

Cùng địa chỉ: ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 04-7-2022 và quá trình giải quyết vụ án bà Hồ Thị Mỹ L là nguyên đơn trình bày: Ngày 20/6/2018, bà có cho bà N, ông T vay số tiền là 150.000.000 đồng, hai bên có thỏa thuận miệng lãi suất là 0,3%/tháng, thời hạn vay 12 tháng, bà N, ông T có ký tên trong “giấy mượn nợ”, khi đến hạn thanh toán thì bà N, ông T không trả vốn vay và lãi cho bà. Nay bà yêu cầu bà N, ông T phải liên đới trả cho bà tiền vốn vay là 150.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi, trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

Tại phiên tòa: Bà L xác định hai bên có thỏa thuận miệng lãi suất là 0,5%/tháng.

Bà Cao Thị N là bị đơn trình bày: Qua lời trình bày của bà L, bà thống nhất về việc bà và ông T có nợ bà L số tiền vốn vay trên. Mục đích vay tiền của bà, ông T là để mua bán cho gia đình. Chữ viết là do bà viết, chữ ký ông T và bà ký tên. Khi vay hai bên thỏa thuận miệng lãi suất là 0,5%/tháng, thời hạn vay 12 tháng. Do hoàn cảnh khó khăn nên bà xin bà L cho bà, ông T đến khi nào “bán được đất” thì trả nợ cho bà L.

Ông Lê Hữu T là bị đơn vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa các đương sự không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ, cũng như không yêu cầu đưa thêm người tham gia tố tụng khác và không có yêu cầu gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ của vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại tòa phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Bà Hồ Thị Mỹ L khởi kiện ông Lê Hữu T, bà Cao Thị N về việc “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” được quy định tại các điều 26, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành. Ông T vắng mặt không có lý do, Tòa án căn cứ vào các điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt đương sự.

[2] Về nội dung vụ án: Xét thấy bà L yêu cầu bà N, ông T phải liên đới trả cho bà L, vốn vay với số tiền là 150.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi, yêu cầu trả 01 lần, khi án có hiệu lực pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình đối với bà N, ông T. Xét thấy bà L đã cho bà N, ông T vay với số tiền là 150.000.000 đồng. Bà N thừa nhận, chữ viết là do bà viết, chữ ký trong “giấy mượn nợ” là do bà và ông T cùng ký tên nhưng ông T vắng mặt không có lý do, điều đó chứng tỏ ông T đã từ bỏ quyền chứng minh của mình và đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L. Bà N xin bà L cho bà, ông T khi nào “bán được đất” thì sẽ hoàn trả vốn vay cho bà L nhưng không được bà L đồng ý, không phù hợp với quy định của pháp luật nên không có cơ sở chấp nhận. Nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L buộc bà N, ông T có nghĩa vụ liên đới trả cho bà L với số tiền vốn vay là 150.000.000 đồng theo quy định tại các điều 288, 463, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 khi án có hiệu lực pháp luật.

[3] Về án phí:

Bà L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Bà N, ông T phải liên đới chịu án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các điều 26, 35, 39, 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các điều 288, 357, 463, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Thị Mỹ L về việc “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” đối với ông Lê Hữu T, bà Cao Thị N.

Buộc ông Lê Hữu T, bà Cao Thị N có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Hồ Thị Mỹ L vốn vay với số tiền là 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hằng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

- Bà L không phải chịu án phí, bà Linh được nhận lại số tiền là 3.750.000 đồng (ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, theo biên lai thu số 0007981 ngày 22 tháng 7 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành tỉnh Long An.

- Bà N, ông T phải liên đới chịu 7.500.000 đồng (bảy triệu năm trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhân:

- Tòa án tỉnh;
- Viện kiểm sát huyện;
- Chi cục THA dân sự huyện;
- Các đương sự;
- Lưu (hồ sơ, án văn).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(ĐÃ KÝ)

Nguyễn Bảo Trí